

Số: 243 /QĐ-VHL

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định định mức hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

### CHỦ TỊCH

#### VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VHL ngày 01/01/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ hỗ trợ phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1076/QĐ-VHL ngày 30/6/2015 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN về việc ban hành quy định định mức hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KHCN và chi quản lý các nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN, Quyết định số 1111/QĐ-VHL ngày 23/6/2017 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN về việc ban hành quy định định mức chi quản lý các nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ hoạt động KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN, Quyết định số 274/QĐ-VHL ngày 06/3/2020 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN về việc ban hành định mức thù lao hội đồng xét chọn, đánh giá nghiệm thu đề tài thuộc các hướng KHCN ưu tiên, các đề tài KHCN độc lập dành cho cán bộ trẻ cấp Viện Hàn lâm KHCNVN.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Ban Ứng dụng và Triển khai công nghệ, Trưởng Ban Hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và các cán bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Viện Hàn lâm;
- Website Viện Hàn lâm;
- Lưu: VT, KHTC, NTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trường Giang**



## QUY ĐỊNH

**Định mức hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam**

(Kèm theo Quyết định số **243** /QĐ-VHL ngày **01 / 3** /2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

### 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

#### a) Đối tượng áp dụng

Các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

#### b) Phạm vi áp dụng

- Các nhiệm vụ:

+ Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm (nhiệm vụ thuộc các hướng khoa học và công nghệ ưu tiên, độc lập, độc lập trẻ, Chủ tịch Viện giao, trọng điểm, ....);

+ Nhiệm vụ thuộc chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN;

+ Các nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ tại Viện Hàn lâm KHCNVN;

+ Đối với các nhiệm vụ thuộc nguồn sự nghiệp khác nếu chưa có quy định về định mức thì được áp dụng định mức tại quyết định này. Các nhiệm vụ KHCN tài trợ bởi nguồn vốn ODA, NGO, hợp tác quốc tế, hợp tác với ngành địa phương áp dụng theo thỏa thuận riêng, nếu không có thỏa thuận riêng thì áp dụng theo định mức tại quyết định này.

- Kinh phí chi quản lý các nhiệm vụ:

+ Kinh phí chi quản lý các nhiệm vụ cấp Viện Hàn lâm: Lấy từ kinh phí hoạt động của Viện Hàn lâm;

+ Kinh phí quản lý các nhiệm vụ cấp cơ sở, các nhiệm vụ được Chủ tịch Viện giao đơn vị thẩm định phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ và đánh giá nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ: Lấy từ kinh phí hoạt động của đơn vị.

### 2. Phân nhóm nhiệm vụ

a) Nhóm 1: Là các nhiệm vụ có tổng kinh phí thực hiện (kinh phí Viện Hàn lâm KHCNVN)  $\leq 300$  triệu đồng;

b) Nhóm 2: Là các nhiệm vụ có tổng kinh phí thực hiện (kinh phí Viện Hàn lâm KHCNVN)  $> 300$  triệu đồng và  $< 1.000$  triệu đồng;

c) Nhóm 3: Là các nhiệm vụ có tổng kinh phí thực hiện (kinh phí Viện Hàn lâm KHCNVN)  $\geq 1.000$  triệu đồng.

### 3. Hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ

Định mức về hệ số công lao động theo chức danh được sử dụng để tính tiền công trực tiếp của các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCVN. Tiền công lao động trực tiếp được tính theo ngày công theo chức danh. Các chức danh gồm: Chủ nhiệm nhiệm vụ, thành viên chính và thư ký khoa học, thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

Tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hsten \times Snc$$

Trong đó:

- **Tc**: Tiền công của chức danh;
- **Lcs**: Lương cơ sở do Nhà nước quy định;
- **Hsten**: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây;
- **Snc**: Số ngày công của từng chức danh.

Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KHCVN cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam được thể hiện tại Bảng 1.

*Bảng 1. Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KHCVN cấp Viện Hàn lâm*

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu ( $H_{cd}$ )	Hệ số lao động khoa học ( $H_{kh}$ )	Hệ số tiền công theo ngày $H_{sten}=(H_{cd} \times H_{kh})/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,79
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,49
3	Thành viên	3,66	1,5	0,25
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16

### 4. Định mức chi quản lý nhiệm vụ

Định mức chi quản lý nhiệm vụ được áp dụng cho:

- Các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ;
- Các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ);
- Các Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu);

- Các Hội đồng thẩm định tài chính các nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là hội đồng thẩm định tài chính);

- Hội đồng kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

- Thuê chuyên gia tư vấn độc lập; chi khác phục vụ hội đồng.

Mức chi cho các hoạt động quản lý nhiệm vụ như sau:

*Bảng 2. Định mức chi hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ xác định nhiệm vụ và đánh giá hồ sơ:*

*Đơn vị tính: nghìn đồng*

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
<b>1</b>	<b>Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ</b>				
<b>1.1</b>	<b>Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ do Hội đồng khoa học ngành được giao thực hiện</b>				
a)	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng			600	
	Phó Chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng			400	
	Thư ký khoa học			300	
	Thư ký hành chính			200	
	Đại biểu tham dự			100	
b)	<i>Chi xây dựng đầu bài để công bố</i>	<i>Đầu bài</i>		500	
<b>1.2</b>	<b>Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ do Chủ tịch Viện quyết định thành lập</b>				
a)	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng			700	
	Phó Chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng			500	
	Thư ký khoa học			300	
	Thư ký hành chính			200	
	Đại biểu tham dự			100	
b)	<i>Chi nhận xét đánh giá (nếu có)</i>				
	<i>Trường hợp có 01 hồ sơ đề xuất</i>	<i>01 phiếu nhận xét đánh giá</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			300	
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			200	

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
	<i>Trường hợp có 02 hồ sơ đề xuất</i>	<i>02 phiếu nhận xét đánh giá</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			450	
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			300	
	<i>Trường hợp có từ 03 hồ sơ đề xuất trở lên</i>	<i>Các phiếu nhận xét, đánh giá</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			600	
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			400	
<b>2</b>	<b>Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ</b>				
a)	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng		900	1.000	1.200
	Phó Chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng		600	700	900
	Thư ký khoa học		300	300	300
	Thư ký hành chính		200	300	300
	Đại biểu tham dự		100	200	200
b)	<i>Chi nhận xét đánh giá (*)</i>				
	<i>Trường hợp có 01 hồ sơ đề xuất</i>	<i>01 phiếu nhận xét đánh giá</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			500	700
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			400	500
	<i>Trường hợp có 02 hồ sơ đề xuất</i>	<i>02 phiếu nhận xét đánh giá</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			700	1.000
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			600	700
	<i>Trường hợp có từ 03 hồ sơ đề xuất trở lên</i>	<i>Các phiếu nhận xét,</i>			

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
		<i>đánh giá</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			900	1.300
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			700	900
<b>3</b>	<b>Thù lao Hội đồng xét chọn đề tài thuộc các hướng khoa học và công nghệ ưu tiên, các đề tài khoa học và công nghệ độc lập dành cho cán bộ trẻ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam</b>				
<i>a)</i>	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng			1.100	
	Phó Chủ tịch hội đồng, Ủy viên hội đồng kiêm thư ký khoa học			800	
	Ủy viên hội đồng			400	
	Thư ký hành chính			200	
	Đại biểu tham dự			100	
<i>1.2</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện</i>	<i>01 phiếu nhận xét/ 01 hồ sơ</i>		<i>600</i>	
<i>1.3</i>	<i>Thù lao chuyên gia mời</i>	<i>01 hồ sơ</i>		<i>600</i>	
	<i>Thù lao Hội đồng được tính dựa trên số lượng hồ sơ theo nguyên tắc:</i>				
	<i>- ≤ 4 hồ sơ áp dụng 100% định mức trên;</i>				
	<i>- Từ hồ sơ thứ 5 đến thứ 20 áp dụng hệ số 0,25 định mức trên cho mỗi hồ sơ;</i>				
	<i>- Từ hồ sơ thứ 21 đến hồ sơ thứ 30 áp dụng hệ số 0,2 định mức trên cho mỗi hồ sơ;</i>				
	<i>- Từ hồ sơ thứ 31 trở đi áp dụng hệ số 0,1 định mức trên cho mỗi hồ sơ.</i>				

Bảng 3: Định mức chi hội đồng thẩm định tài chính

Đơn vị tính: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
	<b>Chi hợp hội đồng thẩm định tài chính</b>	<b>Nhiệm vụ</b>			
	Chủ tịch hội đồng		500	600	800
	Thành viên hội đồng		400	500	600
	Thư ký hành chính		150	200	300
	Đại biểu tham dự		100	100	100

Bảng 4: Định mức chi hội đồng kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Đơn vị tính: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
	<b>Hội đồng kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (*)</b> Trong trường hợp cần thiết Chủ tịch Viện quyết định thành lập Hội đồng				
a)	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng			600	800
	Phó Chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng			400	600
	Thư ký khoa học			150	150
	Thư ký hành chính			150	150
	Đại biểu tham dự			100	100
b)	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 Phiếu nhận xét đánh giá</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			300	400
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			200	300

Bảng 5: Định mức chi hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức

Đơn vị tính: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
<b>1</b>	<b>Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ</b>				
a)	<i>Chi họp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng		900	1.000	1.200
	Phó Chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng		600	700	900
	Thư ký khoa học		300	300	300
	Thư ký hành chính		200	300	300
	Đại biểu tham dự		100	200	200
b)	<i>Chi nhận xét đánh giá (*)</i>	<i>01 Phiếu nhận xét đánh giá</i>			
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện trong Hội đồng			500	700
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng			400	500



Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
c)	<b>Khảo nghiệm kết quả trước nghiệm thu (*)</b> Trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở kiến nghị của Chủ tịch Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu, Chủ tịch Viện quyết định thành lập tổ chuyên gia để khảo nghiệm kết quả trước khi nghiệm thu. Tổ chuyên gia phải có báo cáo kết quả khảo nghiệm phục vụ cho việc đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ.				
	<i>Chi hợp tổ chuyên gia</i>	<i>Tổ chuyên gia</i>			
	Tổ trưởng			600	700
	Thành viên			500	600
	Thư ký hành chính			150	150
	Đại biểu tham dự			100	100
2	<b>Thù lao Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài thuộc các hướng khoa học và công nghệ ưu tiên, các đề tài khoa học và công nghệ độc lập dành cho cán bộ trẻ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam</b>				
a)	<i>Chi hợp Hội đồng</i>	<i>Hội đồng</i>			
	Chủ tịch hội đồng			1.100	
	Phó Chủ tịch hội đồng, Ủy viên hội đồng kiêm thư ký khoa học			800	
	Ủy viên hội đồng			400	
	Thư ký hành chính			200	
	Đại biểu tham dự			100	
1.2	<i>Chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện</i>	<i>01 phiếu nhận xét/01 hồ sơ</i>		600	
1.3	<i>Thù lao chuyên gia mời</i>	<i>01 hồ sơ</i>		600	
	<i>Thù lao Hội đồng được tính dựa trên số lượng hồ sơ theo nguyên tắc:</i> - ≤ 4 hồ sơ áp dụng 100% định mức trên; - Từ hồ sơ thứ 5 đến thứ 20 áp dụng hệ số 0,25 định mức trên cho mỗi hồ sơ; - Từ hồ sơ thứ 21 đến hồ sơ thứ 30 áp dụng hệ số 0,2 định mức trên cho mỗi hồ sơ; - Từ hồ sơ thứ 31 trở đi áp dụng hệ số 0,1 định mức trên cho mỗi hồ sơ.				

Bảng 6: Định mức chi chuyên gia tư vấn

Đơn vị tính: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
	<b>Thuê chuyên gia tư vấn độc lập</b> Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Viện quyết định thuê chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá nhiệm vụ. Số lượng chuyên gia tối đa cho 01 nhiệm vụ là 03 chuyên gia. Các chuyên gia phải có báo cáo kết quả đánh giá nhiệm vụ gửi Chủ				

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
	tịch Viện.				
	Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập khi xác định nhiệm vụ	Chuyên gia	1.200		
	Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập khi đánh giá hồ sơ, nghiệm thu kết quả (*)	Chuyên gia		1.500	2.000

Bảng 7: Định mức chi khác

Đơn vị: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi cho nhiệm vụ		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.000		
2	Chi hậu cần phục vụ các cuộc họp hội đồng, hội đồng thẩm định tài chính	Hội đồng	100	100	100

- (\*) Không áp dụng đối với nhiệm vụ nhóm 1

- Đối với các nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ có kinh phí trên 1 tỷ đồng: Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ kết hợp thẩm định nội dung và thẩm định tài chính thì áp dụng định mức chi của nhóm 2 tại mục 2 bảng 2.

- Trường hợp 01 thành viên hội đồng đảm nhiệm nhiều công việc tại Hội đồng thì được hưởng thù lao tại công việc đảm nhiệm ở mức cao nhất.

- Đối với các nhiệm vụ cấp cơ sở, các nhiệm vụ được Chủ tịch Viện giao đơn vị thẩm định phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ và đánh giá nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ: Các đơn vị căn cứ vào định mức quy định tại quyết định này và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để áp dụng và không vượt quá định mức quy định tại các bảng nêu trên. Đối với định mức chi hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ không vượt quá 50% định mức chi nghiệm thu nhiệm vụ chính thức quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC./.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trường Giang